

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Đồ.
- Ông Võ Đức Huy.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp A, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An.
- Bị đơn:** Ông Ngô Thành Ph, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp VC, xã ML, huyện TT, tỉnh Long An.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Th trình bày:

Do quen biết nên bà và ông Ngô Thành Ph đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003, có tổ chức cưới hỏi, được gia đình 02 bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An vào ngày 18/4/2005.

Sau khi cưới vợ chồng bà sống chung với gia đình ông Ph tại ấp VC, xã ML, huyện TT, tỉnh Long An đến khoảng năm 2011 thì vợ chồng bà về xã TĐ sinh sống. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế gia đình, vợ chồng lục đục có cãi vã với nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ

chồng cũng cố gắng hàn gắn nhưng không được. Trước đây năm 2022 bà Th có nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Ph nhưng sau đó rút đơn.

Nay bà Th xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Ngô Thanh H, sinh ngày 21/5/2005 và Ngô Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/01/2016 hiện đang sống chung vợ chồng bà tại Ấp A, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An, khi ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi con chung Ngô Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/01/2016, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng cho con. Riêng con chung Ngô Thanh H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, vách xây tường chưa tô, nền lát gạch men ở phòng khách, phòng ngủ, còn phòng bếp chưa lát, diện tích 100m² (ngang 5m, dài 20m), nhà xây dựng năm 2015, nhà được xây dựng trên phần đất khoảng 1.000m² thuộc thửa đất số 669, tờ bản đồ số 7, diện tích 5705m², loại đất lúa, đất tọa lạc tại Ấp A, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An do cha bà Th là ông Trần Văn Ngh, sinh năm 1952; địa chỉ thường trú: ấp 2, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, đất này cha mẹ bà Th đang làm thủ tục tách thửa cho bà Th nhưng chưa xong. Tuy nhiên bà và ông Ph thống nhất không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 này và thống nhất để lại tài sản chung này cho 02 con chung là Ngô Thanh H sinh ngày 21/5/2005 và Ngô Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/01/2016.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Bị đơn ông Ngô Thành Ph trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống, con chung thì ông thống nhất với lời trình bày của bà Th.

Ông Ph không đồng ý ly hôn với bà Th, vì ông còn thương vợ con, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn để ly hôn, trước đây vào cuối năm 2023 thì vợ chồng cũng có xảy ra cự cãi với nhau do bà Th có đi ca hát nhấn tin qua lại với người khác.

Trường hợp nếu Tòa án cho ly hôn thì ông thống nhất giao cho bà Th được nuôi con chung Ngô Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/01/2016, ông không cấp dưỡng cho con chung mà tự lo cho con bên ngoài, còn con chung là Ngô Thanh H, sinh ngày 21/5/2005 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, vách xây tường chưa tô, nền lát gạch men ở phòng khách, phòng ngủ, còn phòng bếp chưa lát, diện tích 100m² (ngang 5m, dài 20m), nhà xây dựng năm 2015, nhà được xây dựng trên phần đất khoảng 1.000m² thuộc thửa đất số 669, tờ bản đồ số 7, diện tích 5705m², loại đất lúa, đất tọa lạc tại Ấp A, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An do cha bà Th là ông Trần Văn Ngh, sinh năm 1952; địa chỉ thường trú: ấp 2, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An đứng

tên giấy chứng nhận QSDĐ, đất này cha mẹ bà Th đang làm thủ tục tách thửa cho bà Th nhưng chưa xong. Ông thống nhất ý kiến của bà Th, ông không yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 này và thống nhất để lại tài sản chung này cho 02 con chung là Ngô Thanh H sinh ngày 21/5/2005 và Ngô Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/01/2016.

Về nợ chung: Vợ chồng ông không có nợ chung.

Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải không thành nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Chứng cứ mà bà Trần Thị Ngọc Th cung cấp trong vụ án là: Trích lục kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của con chung; Bản sao Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2022; Bản sao căn cước công dân của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Ngọc Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Thành Ph. Ông Ph cư trú tại xã ML, huyện TT, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Th, thấy rằng: Bà Th và ông Ph xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/4/2005 nên hôn nhân của bà Th và ông Ph là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Th trình bày vợ chồng bà có phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế gia đình, vợ chồng lục đục có cãi vã với nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn nhưng không được. Trước đây năm 2022 bà Th có nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Ph nhưng sau đó rút đơn nên nay bà Th yêu cầu xin ly hôn ông Ph. Ông Ph trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn để ly hôn, trước đây vào cuối năm 2023 thì vợ chồng cũng có xảy ra cự cãi với nhau do bà Th có đi ca hát, nhắn tin qua lại với người khác, ông không đồng ý ly hôn với bà Th vì ông còn thương vợ con.

Tuy nhiên, từ khi bà Th nộp đơn khởi kiện đến nay, mặc dù ông Ph có ý muốn hàn gắn lại hạnh phúc nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà Th kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Ph và căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà các bên trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Th và ông Ph có 02 con chung là Ngô Thanh H sinh ngày 21/5/2005 và Ngô Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/01/2016. Hiện 02 con chung hiện đang sống chung với bà Th, ông Ph, quá trình hòa giải ông Ph trình bày trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Ph đồng ý giao cho bà Th được nuôi con chung Ngô Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/01/2016, ông không cấp dưỡng cho con chung mà tự lo cho con bên ngoài, còn con chung là Ngô Thanh H, sinh ngày 21/5/2005 đã trưởng thành tự đi làm nuôi sống bản thân, không bị hạn chế về thể chất lẫn tinh thần nên bà Th, ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy con chung là Ngô Thanh H, sinh ngày 21/5/2005 đã trưởng thành tự đi làm nuôi sống bản thân, không bị hạn chế về thể chất lẫn tinh thần nên bà Th, ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Còn con chung tên Ngô Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/01/2016 hiện nay đang ở chung với bà Th ổn định tại Ấp A, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An và cháu Ngọc Tr có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn và tại phiên tòa ông Ph đồng ý giao con chung Ngô Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/01/2016 cho bà Th nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con và để đảm bảo sự ổn định nơi ở, không xáo trộn cuộc sống của con chung. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, tiếp tục giao con chung tên Ngô Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/01/2016 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc Th và ông Ngô Thành Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc Th và ông Ngô Thành Ph trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc Th về việc "Ly hôn" với ông Ngô Thành Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Ngọc Th được ly hôn với ông Ngô Thành Ph.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Ngọc Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/01/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ngô Thành Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Ngọc Th chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008269 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Trần Thị Ngọc Th đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Quân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 8 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn

Ông Bùi Mạnh Quyết

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 244/2022/TLST-HNGĐ
ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “*ly hôn*” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1999;

ĐKTT: ấp Hiếu Xuân Đông, xã Hiếu Thành huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Ngô Thành Ph, sinh năm 1997;

ĐKTT: ấp An Hòa 2 xã Bình An huyện Thủ Thừa tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc Th về việc "Ly hôn" với ông Ngô Thành Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Ngọc Th được ly hôn với ông Ngô Thành Ph.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Ngọc Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Trần Khả Di, sinh ngày 11/3/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Ngô Thành Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Ngọc Th chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002587 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Trần Thị Ngọc Th đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Tuấn – Bùi Mạnh Quyết

Ngô Thị Thùy Diễm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nhị

Ông Nguyễn Văn Năm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 117/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị Ngoan, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp 3 xã Long Thạnh huyện Thủ Thừa tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Ông Mai Thanh Cường, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp 4 xã Long Thạnh huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngoan về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” với ông Mai Thanh Cường.

Buộc ông Mai Thanh Cường có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Ngoan số tiền hụi 160.000.000 đồng và tiền vay là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng ông Mai Thanh Cường còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc ông Mai Thanh Cường phải nộp 13.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn Nhị

Nguyễn Văn Năm

Ngô Thị Thùy Diễm

Ngày 19/12/2016 và ngày 05/01/2017 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tiến hành niêm yết: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo cung cấp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Nguyễn Ngọc Giàu. Nhưng ông Giàu không đến tham gia phiên hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã lập Biên bản không hòa giải được và Biên bản

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông Giàu vào ngày 04/01/2017 và 03/02/2017.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Ngọc Giàu nhưng xét thấy ngày 07/02/2017 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã niêm yết: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2017, Giấy báo phiên tòa cho ông Giàu. Nhưng tại phiên tòa ngày 22/02/2017 ông Giàu vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2017/QĐST-HNGĐ. Ngày 22/02/2017 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã đã tổng đạt: Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Giàu nhưng tại phiên tòa ngày 13/3/2017 ông Giàu vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Giàu.